

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày: 08-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Tuyết

Bà Lê Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ông Nguyễn Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 4, ngày 02 tháng 5 và ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Văn L** (tên gọi khác: C), sinh ngày 30 tháng 11 năm 2002 tại tỉnh Quảng Nam; nơi thường trú: Tổ E, khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Hồ Ngọc Đ, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Thu X, sinh năm 1975, gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn L: Luật sư Phan Thị T – Luật sư thuộc Văn phòng L3 - Đoàn luật sư tỉnh B; Địa chỉ: Quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Bị hại: Anh D Lê Công M, sinh năm 2002; Trú tại: Tổ D, ấp D, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Hiền M1, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu phố I, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có mặt;

2. Hồ Ngọc Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có mặt;

3. Nguyễn Thị Thu X, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có mặt;

4. Phạm Minh N, sinh năm 2007; Địa chỉ: Khu phố E, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

Người giám hộ: Ông Phạm Minh H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số E đường số E, C/x C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (cha ruột của Phạm Minh N), vắng mặt;

5. Phạm Thanh H1, sinh năm 2006; Địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

Người giám hộ: Chị Võ Thị Thanh T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (mẹ ruột của Phạm Thanh H1), vắng mặt;

Người làm chứng:

1. Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2001; Địa chỉ: Khu phố D, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt;

2. Nguyễn Thái L1, sinh năm 2005; Địa chỉ: Tổ A, Khu phố A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có mặt;

3. Nguyễn Tùng L2, sinh năm 2005; Địa chỉ: Tổ C, Khu phố B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 16/6/2023, sau khi đã uống rượu, Hồ Văn L suy nghĩ lại sự việc cuối năm 2022 bị D Lê Công M chửi và dọa đánh vì còn nợ tiền nên L nảy sinh ý định tìm M để đánh trả thù. Lúc này, L xuống bếp lấy 01 con dao (dài 32 cm, cán bằng nhựa dài 11,5cm màu cam, lưỡi dao dài 20,5 cm, bản rộng 5,3 cm) giấu trong người (dắt bên hông phải mặc áo khoác bên ngoài). Do không có xe nên L gọi điện thoại nhờ Phạm Thanh H1, sinh năm 2006 chở đi tìm phòng trọ của M. Lúc này, do không có xe nên H1 tiếp tục điện thoại nhờ Phạm Minh N, sinh năm 2007 đến chở L. Khi gặp, L không nói cho N biết mục đích đi tìm M. N chỉ biết điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Sirius, biển số 93T6 – 9707 chở L đi tìm phòng trọ của M trên Đường số G thuộc khu phố A, phường H, thị xã C. Tại đây, L gặp Nguyễn Tùng L2, sinh năm 2005, thì được L2 dẫn đến phòng trọ của M tại khu phố I, phường H, thị xã C. Tại phòng trọ của M,

lúc này có Nguyễn Thị Hiền M1 (là bạn gái của M), Nguyễn Thái L1, sinh năm 2005 và một số người khác đang ngồi uống rượu nên L cũng vào ngồi uống rượu và có nói dối với M về việc L vừa chém người ở phường M. Mục đích L nói vậy là để hù M. Sau khi uống rượu xong, thấy trời mưa, M rủ L ra ngoài trời tắm mưa và khuyên L ra đầu thú. Khi đang tắm mưa thì M1 gọi M vào phòng, khi M vừa quay người đi vào thì L lấy dao giấu trong người ra rồi áp sát M từ phía sau, tay trái giữ vai trái M, tay phải cầm dao cắt vào vùng cổ bên phải M. Khi bị L dùng dao cắt cổ, M đưa tay phải chụp lưỡi dao, vùng thoát ra bỏ chạy và hô hoán cho mọi người biết. L tiếp tục cầm dao đuổi theo M, đồng thời chị M1 lúc này cũng chạy theo. Do không đuổi kịp M nên L cầm dao quay lại khu phòng trọ kêu N chờ về. Khi thấy L lên xe mô tô của N, chị M1 cầm 01 cái xô nhựa đánh và nắm áo kéo L xuống xe thì bị L dùng dao chém liên tiếp 03 nhát trúng vào cổ tay trái, cánh tay trái và vùng đầu thái dương trái. Sau đó, L lên xe mô tô do N điều khiển rời khỏi hiện trường. Đến khoảng 02 giờ ngày 17/6/2023, L đến Công an phường H để đầu thú [BL: 68-70; 82-83; 37-92; 138- 146; 149-154; 158-159; 161-181]

***Kết quả trưng cầu giám định thương tích:**

- *Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 236/KLTTCT-TTPY ngày 13/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B đối với thương tích của D Lê Công M xác định:*

Vết thương cổ bên phải đứt bán phần cơ ức đòn chũm đã phẫu thuật khâu vết thương; sẹo ngang cổ kích thước (12 x 0,2) cm, mềm, lành sẹo tốt, hạn chế cúi ngửa quay cổ. Bàn tay phải: vết thương ngón II mặt lòng đốt II, kích thước (02 x 01)cm hở, đóng vảy, sưng nề, đang lành sẹo; vết thương ngón III mặt lòng đốt 2, kích thước (02 x 01)cm đóng vảy, sưng nề, đang lành sẹo; sẹo mặt lòng ngón IV đốt 2, kích thước (02 x 0,1)cm gọn, lành sẹo; mất gập ngón II, III, IV. Kết luận: Tỷ lệ % tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 14%.

- *Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 236/KLTTCT-TTPY ngày 13/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B với thương tích của Nguyễn Thị Hiền M1 xác định:*

Sẹo thái dương trái kích thước (06 x 0,2)cm, gây mẻ xương thái dương trái dài 03 cm; Sẹo 1/3 giữa – sau cánh tay trái kích thước (5,5 x 0,2)cm đang đóng vảy; Sẹo mặt trước cổ tay trái kích thước (03 x 0,2)cm. Kết luận: Tỷ lệ % tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 10%.

*** Kết quả trưng cầu giám định ADN**

Tại Bản Kết luận giám định ADN số 486/23/KLGDADN-PYQG ngày 28/8/2023 của V kết luận:

ADN thu từ con dao gửi giám định có hiện diện đầy đủ các alen của Nguyễn Thị Hiền M1 trên tất cả các locus STR đã so sánh.

*** Kết quả trưng cầu giám cơ chế hình thành thương tích**

- *Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 388/KLVGTT-TTPY ngày 26/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B đối với thương tích của D Lê Công M kết luận:*

Vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định gửi đến phù hợp với đặc điểm tổn thương, xác định khi tác động bằng phần lưỡi dao (mẫu vật giám định) vào cơ thể có thể tạo ra được các thương tích trên cơ thể của nạn nhân Dương Lê Công M2; với tư thế thực nghiệm theo lời khai của bị hại Dương Lê Công M2 là phù hợp hơn.

- *Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 389/KLVGTT-TTPY ngày 26/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B đối với thương tích của Nguyễn Thị Hiền M1 kết luận:*

Vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định gửi đến phù hợp với đặc điểm tổn thương, xác định tư thế thực nghiệm điều tra khi tác động phần lưỡi dao (mẫu vật giám định) vào cơ thể có thể tạo ra được các vết thương vùng thái dương trái, cánh tay trái, cổ tay trái của nạn nhân Nguyễn Thị Hiền M1.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Gia đình bị cáo Hồ Văn L đã hỗ trợ chi phí điều trị thương tích cho bị hại Dương Lê Công M2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hiền M1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Bị hại M2 tiếp tục yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thêm tiền tổn hại sức khỏe, tổn thất tinh thần và ngày công lao động số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Riêng Nguyễn Thị Hiền M1 đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng nên M1 cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 09/CT-VKSBP-P2 ngày 23/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Hồ Văn L phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hồ Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Hồ Văn L tại Cáo trạng số 09/CT-VKSBP-P2 ngày 23/02/2024.

- Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Văn L phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Hồ Văn L 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử lý các vật chứng theo quy định pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh D Lê Công M2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 150.000.000 đồng gồm tiền tổn thất tinh thần là 105.000.000 đồng và thu nhập thực tế bị mất trong thời gian bị hại điều trị thương tích 03 tháng là 45.000.000 đồng. Do ông Hồ Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu X là cha mẹ bị cáo đồng ý cùng bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền này, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đ và bà X, việc thỏa thuận như trên là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với hành vi dùng dao chém liên tiếp 03 nhát trúng vào người chị M1 của Hồ Văn L, dẫn đến chị M1 bị thương tích 10%. Hành vi của L có tính chất quyết liệt nhưng xét về đặc điểm hung khí và mức độ thương tích thì hành vi của bị cáo L không có dấu hiệu của tội “Giết người” mà đủ dấu hiệu của tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do bị hại M1 đã có đơn không yêu cầu khởi tố đối với L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh không xem xét xử lý hình sự. Tuy nhiên, hành vi này của bị cáo L đã vi phạm điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã có văn bản đề nghị Công an thị xã C xử lý hành chính đối với bị cáo L theo quy định nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Đối với hành vi của Phạm Thanh H1 nhờ Phạm Minh N chở L đi tìm Dương Lê Công M2: quá trình điều tra xét thấy H1 và N không biết mục đích của L là tìm M2 giải quyết mâu thuẫn cá nhân nên không có dấu hiệu đồng phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh không xem xét xử lý nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn L:

Thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Hồ Văn L.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Hồ Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, các kết luận giám định, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Chỉ vì bức tức bị hại Dương Lê Công M2 chửi, dọa đánh đòi tiền Hồ Văn L vào cuối năm 2022 nên khoảng 23 giờ ngày 16/6/2023 bị cáo L đã chuẩn bị sẵn hung khí nguy hiểm là 01 con dao (có đặc điểm dài 32 cm, cán bằng nhựa dài 11,5cm màu cam, lưỡi dao dài 20,5 cm, bản rộng 5,3 cm tại nhà bị cáo), cất giấu trong túi áo khoác và tìm bị hại M2 để giải quyết mâu thuẫn. Khi bị cáo L đến phòng trọ của bị hại M2 thuộc khu phố I, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước thì L cùng M2 uống rượu, sau khi uống rượu M2 và L đang tắm mưa cùng nhau, lợi dụng lúc bị hại M2 không đề phòng, từ phía sau L cầm con dao (có đặc điểm dài 32 cm, cán bằng nhựa dài 11,5cm màu cam, lưỡi dao dài 20,5 cm, bản rộng 5,3 cm) cắt 01 nhát vào vùng cổ bên phải là vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại, làm đứt bán phần cơ ức đòn chũm, khi bị L dùng dao cắt cổ bị hại M2 đưa tay phải chụp lưỡi dao, vùng thoát ra bỏ chạy, L đuổi theo M2 nhưng không đuổi kịp nên quay về. Kết luận giám định số 236/KLTTCT-TTPY ngày 13/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B thương tích tổn thương cơ thể của bị hại M2 do hành vi của bị cáo L gây nên là 14%.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bị cáo L và bị hại M2 đã xảy ra từ lâu, nhưng chỉ vì sự bức tức của bản thân bị cáo L đã chuẩn bị sẵn hung khí nguy hiểm là con dao, tấn công bị hại khi bị hại không đề phòng, trong tư thế bị động, không có khả năng phòng vệ và chống cự, việc bị cáo dùng dao cắt vào vùng cổ là vùng trọng yếu của bị hại, có thể dẫn đến hậu quả chết người nhưng do xem thường tính mạng, sức khỏe của người bị hại bị cáo vẫn cố tình thực hiện, việc bị hại M2

không chết là do được đưa đi cấp cứu kịp thời, nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo.

Hành vi trên của Hồ Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi bị cáo thực hiện đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của con người, là khách thể được Bộ luật Hình sự ưu tiên bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc thực hiện hành vi phạm tội như trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần chi phí điều trị thương tích cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời xem xét nhân thân bị cáo thấy rằng cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, cần xem xét áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự về phạm tội chưa đạt khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cụ thể *“Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định”* nhằm thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật, đồng thời tạo điều kiện để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố ông Hồ Ngọc Đ (cha ruột bị cáo) đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại M2 số tiền 30.000.000 đồng điều trị thương tích (bút lục 144). Tại phiên tòa, bị hại M2 yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần là 105.000.000 đồng và thu nhập bị mất trong thời gian điều trị thương tích là 45.000.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 150.000.000 đồng.

Xét thấy: Tại phiên tòa, bị cáo L và gia đình bị cáo là ông Hồ Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu X đồng ý bồi thường số tiền 150.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại M2 gồm: tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 105.000.000 đồng và thu nhập thực tế bị mất trong thời gian bị hại điều trị thương tích 03 tháng là

45.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đ và bà X, việc thỏa thuận như trên là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật, tài sản không còn giá trị sử dụng gồm: 01 con dao dài 32 cm, cán bằng nhựa dài 11,5cm màu cam, lưỡi dao dài 20,5 cm, bản rộng 5,3 cm; 01 xô nhựa (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, bảng kê tang vật kèm theo ngày 01/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước).

[8] Đối với hành vi Hồ Văn L dùng dao chém chị M1 bị thương tích 10%, xét tính chất mức độ hành vi của L đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do chị Nguyễn Thị Hiền M1 đã có đơn không yêu cầu khởi tố đối với L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, hành vi này của bị cáo L đã vi phạm điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an đã có văn bản đề nghị Công an thị xã C xử lý hành chính đối với bị cáo Hồ Văn L theo quy định.

Đối với hành vi của Phạm Thanh H1 được Hồ Văn L nhờ chở đi tìm M2 nhưng H1 lại nhờ Phạm Minh N chở L đi: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử xét thấy khi nhờ H1 chở đi tìm M2 và khi N chở bị cáo L đi đến nơi ở của M2, L không nói cho H1 hay N biết là đi giải quyết mâu thuẫn với M2. Khi bị cáo L gây thương tích cho bị hại M2 bản thân N không biết, sau khi thực hiện hành vi phạm tội N chở L về có khuyên L đầu thú nhưng do L cầm dao và không đồng ý nên N chở L về nhà ông P, ông P chở L đi đầu thú. Do đó, không có căn cứ xác định hành vi của Phạm Thanh H1, Phạm Minh N có dấu hiệu đồng phạm.

[9] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị cáo Hồ Văn L phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc Đ phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng); bà Nguyễn Thị Thu X phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hồ Văn L phạm tội “Giết người”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Văn L **07 (bảy)** năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2023.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật, tài sản không còn giá trị sử dụng gồm: 01 con dao dài 32 cm, cán bằng nhựa dài 11,5cm màu cam, lưỡi dao dài 20,5 cm, bản rộng 5,3 cm; 01 xô nhựa.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, bảng kê tang vật kèm theo ngày 01/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước)

4. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Ghi nhận và buộc bị cáo Hồ Văn L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thu X bồi thường cho bị hại Dương Lê Công M2 số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) gồm: thu nhập bị mất trong thời gian điều trị thương tích 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng và tiền tổn thất về tinh thần là 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị cáo Hồ Văn L phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc Đ phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng); bà Nguyễn Thị Thu X phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng)

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS – CA tỉnh Bình Phước (1);
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo (1)
- Bị hại (1)
- Người bào chữa; (1)
- Người liên quan; (5)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga